

CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CƠ SỞ “SẢN XUẤT CÁC LOẠI VẢI BẠT
TARPAULIN XUẤT KHẨU”

Địa điểm: Lô DT7, cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù
Ninh, tỉnh Phú Thọ

Phú Thọ, tháng 5 năm 2025

CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

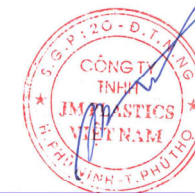
CƠ SỞ “SẢN XUẤT CÁC LOẠI VẢI BẠT
TARPAULIN XUẤT KHẨU”

Địa điểm: Lô DT7, cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù
Ninh, tỉnh Phú Thọ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hồng Giang

CHỦ CƠ SỞ



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
JANG BYUNG KI

Phú Thọ, tháng 5 năm 2025

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	5
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	5
1. Tên chủ cơ sở.....	5
2. Tên cơ sở:.....	5
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	9
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 12.000 tấn sản phẩm/năm.....	9
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở: Sản phẩm của cơ sở bao gồm các loại vải bạt PE, Tarpaulin,... với công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm.....	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	11
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	14
5.1. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định:.....	14
5.2. Các hạng mục công trình hiện trạng của cơ sở.....	14
5.3. Tổ chức quản lý sản xuất và kinh doanh của nhà máy.....	15
CHƯƠNG II	16
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:.....	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	17
CHƯƠNG III	18
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	18
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	18
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	18
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	19
1.3. Xử lý nước thải:	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	24
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:.....	26
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	27
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	27
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:	29
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:.....	31
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	32
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.....	32
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học	32
CHƯƠNG IV	34

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	34
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	34
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	35
CHƯƠNG V	37
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	37
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	37
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:	39
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:	42
4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....	43
CHƯƠNG VI.....	44
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	44
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	44
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	44
CHƯƠNG VII.....	45
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	45
PHỤ LỤC BÁO CÁO	46



DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ các điểm mốc của Nhà máy	6
Bảng 2. Nguyên, vật liệu chính dùng để sản xuất	11
Bảng 3. Danh mục máy móc hiện trạng của cơ sở	12
Bảng 4. Điện năng sử dụng của Nhà máy	13
Bảng 5. Lượng nước sử dụng của cơ sở	14
Bảng 6. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ của cơ sở	14
Bảng 7. Danh mục công trình thoát nước mưa	19
Bảng 8. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước thải	20
Bảng 9. Thông số kỹ thuật của bể chứa nước	23
Bảng 10. Thông số kỹ thuật của tháp giải nhiệt	23
Bảng 11. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở	27
Bảng 12. Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	27
Bảng 13. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành	32
Bảng 14. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	35
Bảng 15. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	35
Bảng 16. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023	39
Bảng 17. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2024	40
Bảng 18. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải của nhà máy	42

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí tiếp giáp của cơ sở	6
Hình 2. Vị trí của cơ sở trong cụm công nghiệp Đồng Lạng	7
Hình 3. Sơ đồ công nghệ sản xuất	10
Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	18
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	19
Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải phát sinh tại công đoạn đùn	20
Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải phát sinh tại công đoạn dệt	21
Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom xử lý nước thải phát sinh tại công đoạn tráng phủ	21
Hình 9. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	22
Hình 10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải	25
Hình 11. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thông gió nhà xưởng	32



CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: Lô DT7, cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông: KIM DAE GUN - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 02103955815; Fax: 02103860574

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2600307798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 28/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 17/08/2021.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án: 6594660898 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp chứng nhận lần đầu ngày 28/11/2006 chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 20/8/2021.

- Tổng quan hoạt động:

Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam là doanh nghiệp có vốn đầu tư 100% từ Hàn Quốc sản xuất và kinh doanh các loại vải bạt PE, Tarpauline tại cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Được đầu tư xây dựng từ tháng 4 năm 2004 và đến tháng 11 năm 2004 bắt đầu hoạt động với công suất đăng ký 6.000 tấn/năm. Giai đoạn này công ty được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường tại quyết định số: 47/QĐ-TNMT ngày 06/5/2009. Đến năm 2014, công ty tiến hành mở rộng sản xuất, nâng công suất dự án lên 12.000 tấn/năm. Công ty được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại quyết định số: 1004/QĐ-UBND ngày 08/5/2014. Sau khi hoàn thiện các công trình bảo vệ môi trường công ty được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại quyết định số: 1435/GXN-UBND ngày 14/4/2017.

2. Tên cơ sở:

“Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu”

- **Địa điểm cơ sở:** Lô DT7, cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Vị trí của cơ sở nằm trên khu đất có tổng diện tích là 28.179m² thuộc thửa đất số 1, tờ bản đồ số 01/2017/TĐĐC-TC, lô DT7, cụm công nghiệp Đồng



Lạng, xã Phù Ninh, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Vị trí này đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 030995 ngày 06/07/2017.

Tọa độ các điểm mốc của Nhà máy như sau:

Bảng 1. Tọa độ các điểm mốc của Nhà máy

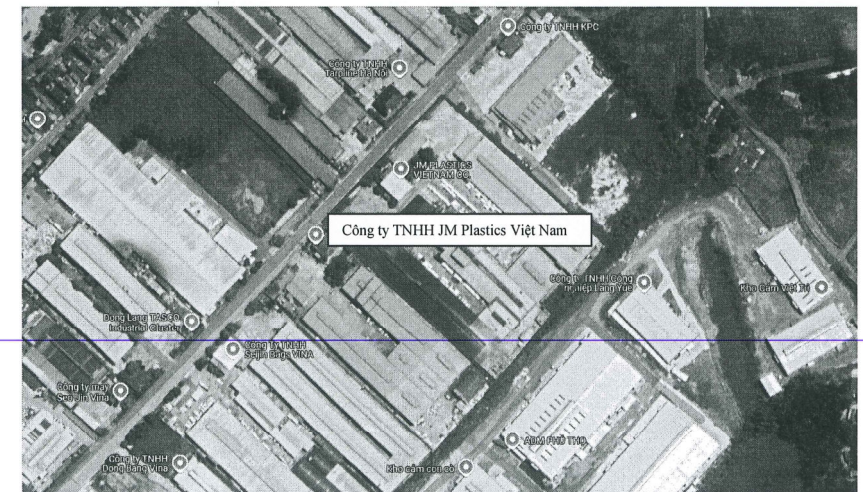
STT	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	2365073.96	560782.99
2	2365197.30	560868.94
3	2365105.58	561013.31
4	2364982.23	560927.36

- Vị trí tiếp giáp của cơ sở đối với các đối tượng tự nhiên xung quanh như sau:

+ Phía Đông giáp với công ty TNHH KPC

+ Phía Tây giáp với Công ty CP SungWoon International Việt Nam

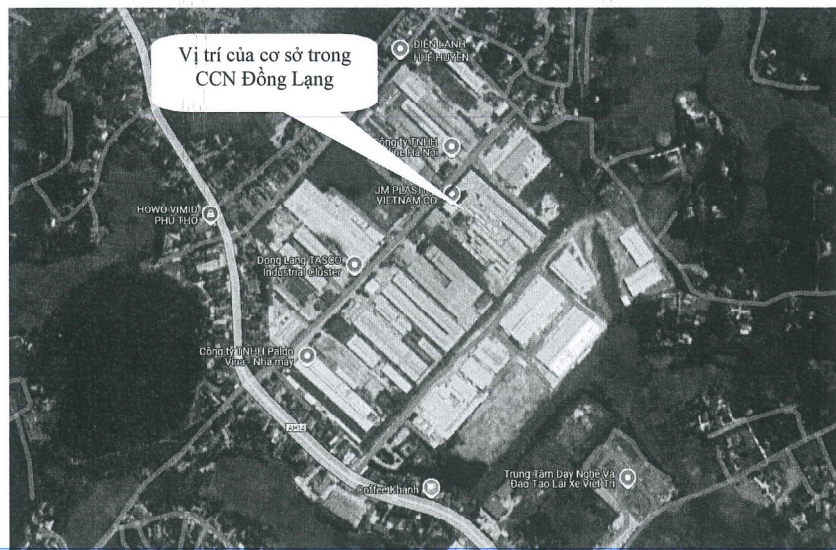
+ Phía Bắc với phía Nam giáp với đường nội bộ cụm công nghiệp



Hình 1. Vị trí tiếp giáp của cơ sở

- *Mối tương quan của vị trí thực hiện cơ sở với các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội xung quanh khu vực cơ sở:*





Hình 2. Vị trí của cơ sở trong cụm công nghiệp Đồng Lạng

Cơ sở nằm trong cụm công nghiệp Đồng Lạng nằm ở phía Bắc thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Cụm công nghiệp Đồng Lạng nằm trên quốc lộ 2, cách trung tâm thành phố Việt Trì 10 km; sát đường Quốc lộ 2, cách đường Xuyên Á nút IC8 là 3 km, cách ga Phú Đức - tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai 10 km, cách cảng sông Hồng Việt Trì 10 km, cách Hà Nội 90 km, cách Nội Bài 60 km, cách cảng Hải Phòng 190 km. Vị trí này thuận lợi cho việc kết nối giao thông, với các tuyến đường quan trọng như Quốc lộ 2 và đường Xuyên Á gần kề, cùng với ga Phú Đức và cảng sông Hồng Việt Trì cách đó không xa. Tổng diện tích quy hoạch 41,7 ha. Cụm công nghiệp Đồng Lạng tập trung vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, cơ khí lắp ráp, vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm sản và dược phẩm. Hiện tại, khu công nghiệp đã thu hút 17 dự án đầu tư, trong đó có 12 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 81,09 triệu USD và 1 dự án trong nước với vốn đăng ký 13 tỷ đồng.

+ **Giao thông:** Mạng lưới giao thông bên ngoài của cụm công nghiệp Đồng Lạng rất thuận tiện cho việc cung cấp nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể như sau:

- Đường bộ: Tuyến đường giao thông Quốc lộ 2 chạy cách nhà máy khoảng 200m đi thị xã Phú Thọ nối với Việt Trì, Tuyên Quang, Yên Bái.

- Đường sắt: Nhà máy nằm gần tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai, cách ga Phú Đức khoảng 5,5 km.

- Đường thủy: Nhà máy nằm cách cảng sông Việt Trì khoảng 18km. Và những đặc điểm trên là rất thuận tiện cho việc vận chuyển sản phẩm đến các



tỉnh thành trong cả nước.

+ **Cung cấp nước:** Mạng lưới cấp nước thành phố được xây dựng đến tận chân hàng rào của từng nhà máy trong CCN.

+ **Thoát nước:**

Nước mưa: Toàn bộ nước mưa được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa xây gạch, nắp đan BTCT được thiết kế xây dựng trên vỉa hè đường tiếp giáp hai mặt của nhà máy trước khi xả vào hệ thống mương thoát nước mưa CCN.

Nước thải: Tất cả nước thải các doanh nghiệp trong CCN Đồng Lạng thu gom đã xây dựng nhà máy xử lý nước thải, công suất 500m³/ngày.đêm

+ **Cấp điện:** Cung cấp từ trạm 110/22 kV, đảm bảo công suất lớn từ lưới điện quốc gia đến chân hàng rào các nhà máy trong CCN.

+ **Thông tin liên lạc:** Hệ thống thông tin liên lạc của nhà máy sẽ được đầu nối vào mạng thông tin chung của cụm công nghiệp và thành phố Việt Trì.

- **Vấn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án**

+ Quyết định số 2277/QĐ-UBND ngày 10/09/2007 của chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt báo cáo ĐTM dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp làng nghề Đồng Lạng – huyện Phù Ninh của Công ty TNHH phát triển hạ tầng cụm công nghiệp Đồng Lạng Tasco.

+ Quyết định số 47/QĐ-TNMT ngày 06/5/2009 của giám đốc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất và kinh doanh các loại vải bạt Pe, Tarpaulin” tại lô DT07, cụm công nghiệp Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

+ Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường dự án “Đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất và kinh doanh các loại vải bạt PE, Tarpaulin” tại CCN Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ của Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam được UBND tỉnh Phú Thọ xác nhận tại Giấy xác nhận số 1435/GXN-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2017.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất nguy hại mã số QLCTNH: 25.000049.T cấp lần đầu ngày 22/10/2009 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ cấp.

+ Giấy phép xây dựng số 04/GPXD-BQLKCN ngày 17/9/2013 của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ.

+ Giấy phép xây dựng số 13/2021/GPXD ngày 08/6/2021 của Ban quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ.

- **Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần:**

+ Quyết định số 47/QĐ-TNMT ngày 06/5/2009 của giám đốc Sở tài



nguyên và môi trường tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường “Nhà máy sản xuất và kinh doanh các loại vải bạt PE, Tarpaulin” tại lô DT07, cụm công nghiệp Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô của cơ sở:

+ Cơ sở có tổng vốn đầu tư 13.459.000 \$ (Mười ba triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đôla Mỹ). Quy mô của cơ sở được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, căn cứ khoản 3, Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, cơ sở thuộc dự án nhóm C.

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/1/2025.

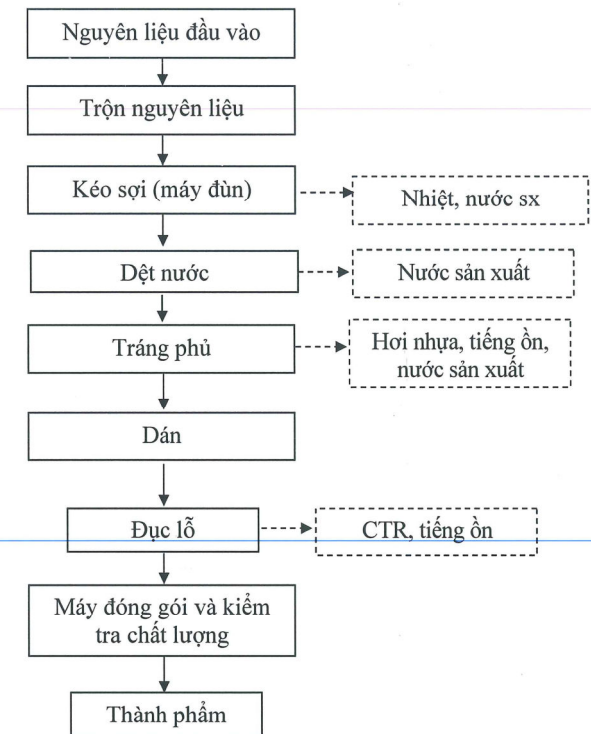
- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh các loại vải bạt PP, PE, Tarpaulin để xuất khẩu và tiêu thụ trong nước. Do vậy, Cơ sở không thuộc loại hình nguy cơ gây ô nhiễm cao.

- Phân nhóm dự án đầu tư: Nhóm III

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở: 12.000 tấn sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:



Hình 3. Sơ đồ công nghệ sản xuất

Thuyết minh quy trình công nghệ sản xuất

- Công đoạn nấu chảy hạt nhựa pp tạo sợi

Công nghệ sản xuất vải bạt gồm các công đoạn chính sau:

+ Công đoạn trộn nguyên liệu

+ Công đoạn nấu chảy PP/PE – tạo sợi PP, màng PE

+ Công đoạn dệt sợi PP, tạo vải PP

+ Công đoạn hoàn thiện (cắt, dán, đục lỗ, đóng gói, thành phẩm)

Hạt nhựa HDPE được đưa vào máy phối trộn sau đó qua máy gia nhiệt làm hạt nhựa nóng chảy tạo thành màng và được cắt đều thành các sợi dạng dẹp và mảnh được máy kéo sợi kéo dày cuộn lại thành các cuộn sợi, quá trình thổi nhựa thành màng mỏng này sẽ sử dụng nước để làm mát. Các sợi bị đứt hỏng sẽ được kéo vào vị trí riêng để cuộn lại thành nhựa phế liệu. Các cuộn sợi sau đó được đưa sang xưởng dệt để thành vải PE. Các tua sợi dài vượt quá chiều rộng



tiêu chuẩn của tấm vải được đốt cho xoắn lại bằng 2 sợi đốt bằng đồng ở 2 bên trước khi cuộn lại. Máy dệt dùng ở đây là máy dệt nước. Vải dệt ra được cuộn lại thành các cuộn lớn và được đưa qua xưởng tráng phủ. Xưởng tráng phủ có hai hệ thống gia nhiệt sẽ nấu chảy hạt nhựa LDPE và masterbatch (hạt nhựa màu) để phủ và tạo màu cho vải bạt. Các cuộn vải sẽ được đưa vào hệ thống các quả lô quay để đỡ ra và khi chạy qua vị trí đầu phun nhựa màu nóng chảy vải sẽ được phủ 1 lớp nhựa màu rất mỏng nhằm tạo độ bóng, màu sắc và khả năng chống thấm của vải. Lần lượt nhựa được phủ lên 2 mặt của tấm vải và sau đó vải lại được cắt thành khổ tiêu chuẩn và cuộn thành cuộn lớn để đưa qua xưởng gia công. Vải PE sau khi tráng phủ được đưa sang xưởng gia công để dập khuy gấp, dán mép và đem đi đóng gói kiểm tra chất lượng sản phẩm.

3.3. Sản phẩm của cơ sở: Sản phẩm của cơ sở bao gồm các loại vải bạt PE, Tarpaulin,... với công suất 12.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

a. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu: Được khai thác mua tại thị trường trong nước và nước ngoài.

Hạt nhựa nguyên sinh Hạt nhựa PE (Polyethylene): HDPE, LDPE và các hạt tạo màu M/B, phụ gia (Bột canxit) sẽ chủ yếu được nhập khẩu từ các quốc gia như: Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam.

Bảng 2. Nguyên, vật liệu chính dùng để sản xuất

TT	Tên nguyên, nhiên vật liệu	ĐVT	Khối lượng/năm	Nguồn cung cấp
1	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE	Tấn	7.200	Hàn Quốc
2	Hạt nhựa nguyên sinh LDPE	Tấn	3.120	Hàn Quốc, Đài Loan
3	Hạt nhựa màu M/B	Tấn	12	Hàn Quốc, Đài Loan
4	CaCO ₃ (Bột canxit)	Tấn	1.920	Việt Nam
5	Khuy nhôm	Bộ	72.000.000	Việt Nam
6	Dây đai	Cuộn	12.000.000	Việt Nam
7	Dây chấu	Tấn	24	Việt Nam
8	Túi nylon	Chiếc	6.000.000	Việt Nam
9	Thùng Carton	Hộp	1.800.000	Việt Nam
10	Nhân sản phẩm	Chiếc	12.000.000	Việt Nam
11	Ống giấy	cái	600.000	Việt Nam



TT	Tên nguyên, nhiên vật liệu	ĐVT	Khối lượng/năm	Nguồn cung cấp
12	Băng dính	Cuộn	36.000	Việt Nam

- Danh mục máy móc hiện trạng của cơ sở:

Bảng 3. Danh mục máy móc hiện trạng của cơ sở

TT	Tên và mô tả	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất
1	Máy đùn sợi	Bộ	3	Hàn Quốc	2006
2	Máy đùn sợi	Bộ	1	Hàn Quốc	2014
3	Máy tiếp liệu tự động	Bộ	7	Hàn Quốc	2006
4	Máy trộn đứng	Bộ	7	Hàn Quốc	2006
5	Mô tơ truyền động chính	Bộ	7	Hàn Quốc	2006
6	Máy luyện và duỗi sợi	Bộ	4	Hàn Quốc	2006
7	Máy truyền tải tự động	Bộ	1400	Hàn Quốc	2006
8	Hệ thống điều khiển	Bộ	7	Hàn Quốc	2006
9	Đầu sấy nhiệt	Bộ	3	Hàn Quốc	2006
10	Máy tháo sợi dư	Bộ	1	Hàn Quốc	2006
11	Máy phát điện	Chiếc	3	Hàn Quốc	2006
12	Máy cuộn lại sợi	Chiếc	3	Hàn Quốc	2006
13	Dây truyền nén nhiệt	Bộ	1	Hàn Quốc	2006
14	Máy hút sợi dư	Chiếc	1	Hàn Quốc	2006
15	Máy tráng phủ	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
16	Máy tráng phủ	Bộ	1	Hàn Quốc	2014
17	Bobbin thép	Chiếc	70.000	Hàn Quốc	2006
18	Máy dệt nước	Bộ	60	Hàn Quốc	2006
19	Máy dệt nước	Bộ	20	Hàn Quốc	2014
20	Tháp làm mát	Bộ	1	Hàn Quốc	2006
21	Máy dập lỗ	Bộ	20	Hàn Quốc	2006
22	Máy dập lỗ	Bộ	20	Hàn Quốc	2014
23	Máy cuốn	Bộ	3	Hàn Quốc	2006
24	Máy nén cong	Bộ	1	Hàn Quốc	2006
25	Cần trục	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
26	Xe nâng	Chiếc	3	Hàn Quốc	2006
27	Máy hàn tự động 6 đầu	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
28	Máy hàn tự động 3 đầu	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
29	Máy dán mép	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
30	Máy dán mép	Bộ	2	Hàn Quốc	2014
31	Máy hàn đầu trên	Bộ	2	Hàn Quốc	2006
32	Máy dán tự động đơn	Bộ	2	Hàn Quốc	2006



b. Nhu cầu sử dụng hóa chất

+ Do đặc điểm của công nghệ sản xuất của dự án là công nghệ sản xuất vải bạt từ nhựa PP, PE nên dự án không sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất.

+ Nhu cầu sử dụng hóa chất trong xử lý khí thải: Công trình xử lý khí thải: Vật liệu hấp phụ: than hoạt tính: 110 kg/năm.

c. Nhu cầu về điện năng, nhu cầu sử dụng nước

+ Về điện năng:

Nhà máy được phép nhận điện từ nguồn điện 22 KV từ đường dây trung thế của lưới điện quốc gia, điểm đấu tại đường 22KV- CCN Đồng Lạng cấp điện cho các phụ tải của nhà máy. Công ty ký hợp đồng cung cấp điện thông qua Công ty Điện lực Phú Thọ. Điện năng sử dụng của Nhà máy được thống kê bảng dưới đây:

Bảng 4. Điện năng sử dụng của Nhà máy

Tháng	Số lượng (KW)
Tháng 01/2025	836.024
Tháng 02/2025	839.916
Tháng 03/2025	994.084
Tháng 04/2025	912.184
Tháng 05/2025	567.420

- Nhu cầu sử dụng nước

+ Nguồn nước sạch được sử dụng từ hệ thống cấp nước CCN Đồng Lạng, xây dựng đến chân hàng rào nhà máy.

+ Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được sử dụng cho các mục đích sau:

- Nước sinh hoạt cho các bộ công nhân.
- Nước sản xuất: Bổ sung cho quá trình làm mát và quá trình dệt nước.
- Nước tưới cây, rửa đường.
- Nước dự phòng cho PCCC.

* Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sản xuất

- Nước bổ sung cho hoạt động sản xuất 5-7 m³/ngày.



* Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt

+ Nước dùng cho mục đích sinh hoạt:

$$450 (\text{người}) \times 80 (\text{lít/người/ngày}) = 36 (\text{m}^3/\text{ngày}).$$

+ Nước phục vụ cho mục đích tưới cây, rửa đường và nhu cầu khác khoảng: 1 m³/ngày.

⇒ Vậy tổng lượng nước cần sử dụng khoảng 44 m³/ngày.đêm.

+ Lượng nước sử dụng thực tế của cơ sở được thống kê bảng dưới đây:

Bảng 5. Lượng nước sử dụng của cơ sở

Tháng/năm	Số lượng	
	m ³ /tháng	m ³ /ngày.đêm
Tháng 01/2025	1.267	42,2
Tháng 02/2025	905	30,2
Tháng 03/2025	923	30,8
Tháng 04/2025	1.065	35,5
Tháng 05/2025	1.053	35,1

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

5.1. Khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định:

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại, do đó không có yêu cầu về khoảng cách an toàn môi trường.

5.2. Các hạng mục công trình hiện trạng của cơ sở

- Các hạng mục công trình chính, phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường của cơ sở:

Bảng 6. Các hạng mục công trình chính và phụ trợ của cơ sở

STT	Tên hạng công trình	Đơn vị	Diện tích
I	Công trình chính		
1	Xưởng sợi	m ²	1.435
2	Xưởng dệt	m ²	2.810
3	Xưởng tráng	m ²	1.605
4	Xưởng gia công	m ²	2.772
5	Xưởng gia công thành phẩm	m ²	1.205
6	Nhà điều hành	m ²	412
7	Xưởng gia công + nhà kho	m ²	4.550
8	Nhà kho	m ²	344
II	Công trình phụ trợ		
9	Nhà ăn	m ²	345
10	Trạm điện + máy phát điện	m ²	118



STT	Tên hạng công trình	Đơn vị	Diện tích
11	Nhà xe	m ²	416
12	Nhà bảo vệ	m ²	27
13	Nhà vệ sinh công nhân (02 nhà)	m ²	154
14	Sân bê tông	m ²	4.813
15	Đất chưa sử dụng, cây xanh	m ²	7.390
16	Cổng nhà máy	-	-
17	Nhà tạm	m ²	67
III Công trình bảo vệ môi trường			
18	Kho CTNH	m ²	
19	Bể chứa nước ngầm	m ²	26
20	Bể nước tuần hoàn	m ²	90
21	HT thu gom, thoát nước mưa	1 HT	-
22	HT thu gom, thoát nước thải	1 HT	-
23	Bể tự hoại	2 bể	-
24	Bể tách mỡ	1 bể	-
Tổng		m²	28.179

Nhà xưởng được thiết kế theo tiêu chuẩn nhà khung thép chịu lực, lợp mái tôn Ausnam dày 0,42m, xà gồ U80*35*1,5. Kèo sắt, giằng mái thép góc tổng hợp, nhà khung cứng sàn bê tông cao ráo, thoáng mát, sàn bê tông xi măng cốt thép Φ10a200 dày từ 20-30cm. Trong nhà đảm bảo ánh sáng.

Toàn bộ hệ thống nhà xưởng với các phân xưởng sản xuất được bố trí hợp lý để thuận lợi cho quá trình vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm phù hợp với công nghệ sản xuất tương ứng với mỗi loại sản phẩm công nhân đi lại vận hành máy móc làm việc thuận tiện hệ thống điện hệ thống cấp thoát nước được thiết kế đảm bảo tiêu chuẩn môi trường và tiết kiệm trong xây dựng.

Quy trình xử lý, thông số kỹ thuật và quy trình quản lý các công trình bảo vệ môi trường được trình chi tiết ở chương III.

5.3. Tổ chức quản lý sản xuất và kinh doanh của nhà máy

- Tổng số lao động của Nhà máy tối đa: 450 người.
- Số ngày làm việc: 26 ngày/tháng.
- Số ca làm việc trong ngày: 3 ca/ngày.
- Số giờ làm việc trong ca: 8h/ca.



CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

+ Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Cơ sở “Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu” của Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam tại CCN Đồng Lạng huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ hoàn toàn phù hợp với định hướng quy hoạch của Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia tại Quyết định số: 611/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Sự phù hợp của dự án với quy hoạch của tỉnh

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05/12/2023.

+ Sự phù hợp của dự án với phân vùng môi trường

Theo Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 05/12/2023, phân vùng bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ được xác định theo các nhóm tiêu chí để phân theo 03 cấp độ:

- Cấp độ 1 là vùng bảo vệ nghiêm ngặt;
- Cấp độ 2 là vùng hạn chế phát thải;
- Cấp độ 3 là vùng khác.

Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam thuộc vùng khác vì vậy các hoạt động phát triển được phép và cần kiểm soát. Trong đó, quy chuẩn kỹ thuật về nước thải, khí thải được quy định giá trị giới hạn cho phép đối với các chất ô nhiễm phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường, bảo đảm không gây tác động xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật trong vùng. Cơ sở đã đầu tư các công trình biện pháp xử lý nước thải, khí thải, thu gom, lưu giữ chất thải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu môi trường theo vùng bảo vệ vì vậy hoàn toàn phù hợp với phân vùng môi trường.



2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

Nguồn tiếp nhận nước thải, khí thải của dự án không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định. Đồng thời, khả năng chịu tải môi trường đã đánh giá trong Báo cáo đánh giá môi trường các nguồn phát sinh chất thải không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường. Vì vậy, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam không thực hiện đánh giá sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Nước mưa từ sân bê tông, đường giao thông nội bộ được thu gom theo hệ thống cống rãnh và hố ga lắng cặn chạy bao quanh các nhà máy về hệ thống cống thoát nước mặt của cụm công nghiệp Đồng Lạng. Hệ thống rãnh thu gom và hố ga có các thông số cơ bản như sau:

+ Rãnh thu gom và thoát nước mưa kích thước 400x600 chạy dọc hai bên sườn nhà máy, sát tường rào có chiều dài 320m. Kết cấu cụ thể như sau:

- Thành rãnh xây gạch 220 chỉ mác 75, vữa xi măng mác 50, độ dốc đáy mương 0,3%.

- Trát thành trong rãnh dày 1 cm vữa xi măng mác 50.

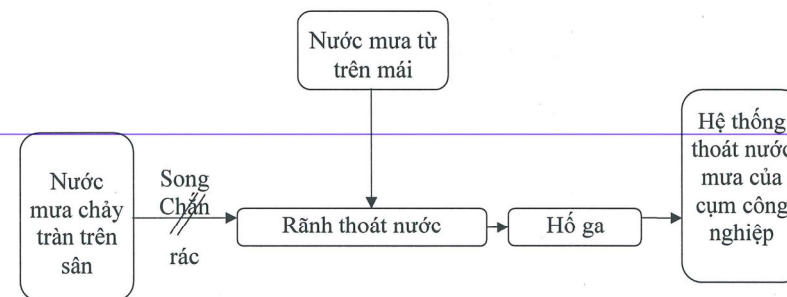
- Bê tông nền rãnh dày 5cm mác 100, láng đáy mương dày 3 cm vữa xi măng mác 75, toàn bộ cống đáy tấm đan bê tông cốt thép dày 7cm.

+ Công ty bố trí 3 hố ga lắng cặn có kết cấu cụ thể như sau: chiều dài (100cm), chiều rộng (120cm), sâu (100cm).

- Thành xây gạch 220 chỉ mác 75, vữa xi măng mác 50, trát thành trong dày 1 cm vữa xi măng mác 50, đáy láng đáy vữa mác 75.

- Đáy đổ bê tông mác 100 dày 10 cm.

Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời và không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.



Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

Bảng 7. Danh mục công trình thoát nước mưa

STT	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh thoát nước 400x600	m	320
2	Cửa xả	---	3

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

1.2.1. Công trình thu gom, thoát nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt

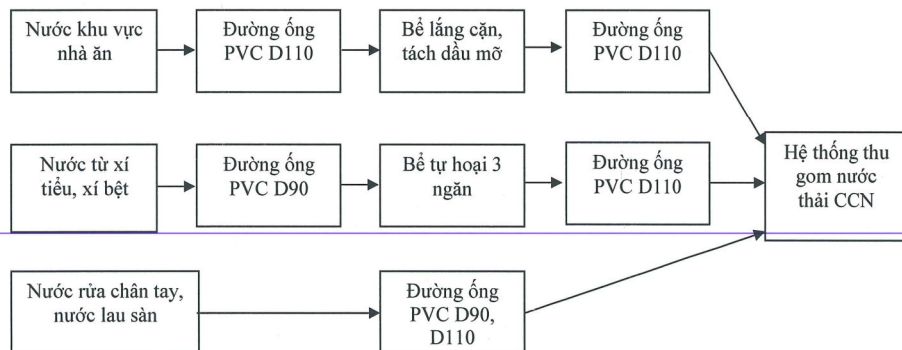
* Công trình thu gom và thoát nước thải

Hệ thống thu gom, thoát nước thải của cơ sở và nước mưa được tách riêng biệt.

- Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải nhà ăn sau khi qua song chắn rác sẽ được dẫn theo đường ống PVC D110 ra bể lắng cặn, tách dầu mỡ xử lý; nước thải từ xí tiêu, xí bột của khu vệ sinh (Nhà điều hành) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sau đó cùng nước thải rửa chân tay, nước thải lau sàn theo đường ống PVC D110 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

+ Nước thải từ xí tiêu, xí bột của khu vệ sinh (Khu vực nhà xưởng) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sau đó cùng nước thải rửa chân tay, nước thải lau sàn khu nhà vệ sinh theo đường ống PVC D110 đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của cụm công nghiệp.



Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

- Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước thải.

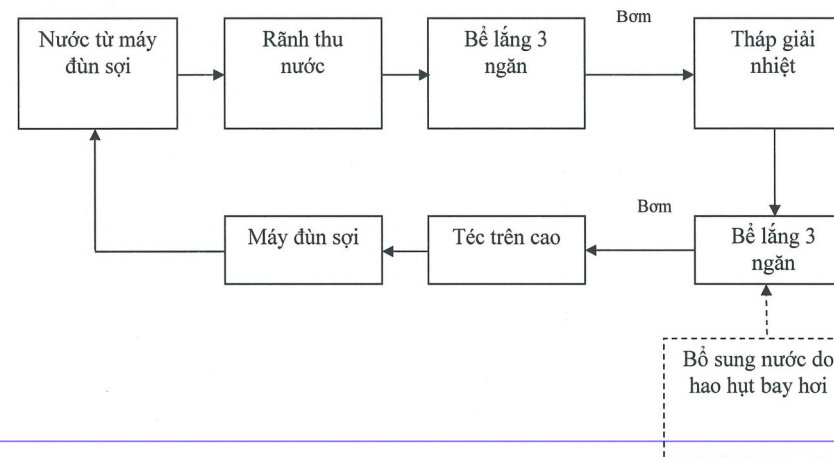
Bảng 8. Thông số kỹ thuật hệ thống thu gom và thoát nước thải

STT	Danh mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Đường ống PVC D110	m	460
	Đường ống PVC D90	m	60
2	Điểm đầu nối nước thải	Điểm	2

1.2.2. Công trình thu gom, tuần hoàn nước làm mát cho các công đoạn đun sôi, tráng phủ và dệt nước

- Nước làm mát sử dụng cho công đoạn đun sôi:

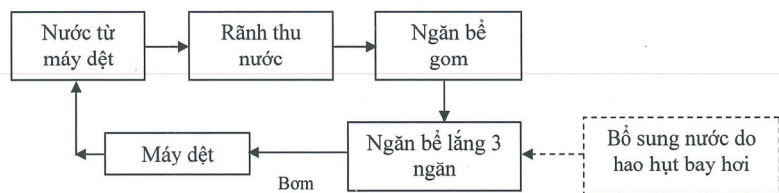
Nước sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát tại công đoạn đun sôi được thu gom bằng các ống thu nước Φ30, dài 35 m về bể lắng 03 ngăn sau đó được bơm qua 01 tháp giải nhiệt để làm giảm nhiệt độ của nước rồi qua bể chứa ngầm. Nước tại bể chứa nước ngầm sau đó được bơm lên téc nước trên cao để tuần hoàn, tái sử dụng. Lượng nước hao hụt do bay hơi sẽ được bổ sung vào bể lắng 3 ngăn.



Hình 6. Sơ đồ hệ thống thu gom nước sản xuất phát sinh tại công đoạn đun

- Nước làm mát sử dụng cho máy dệt nước:

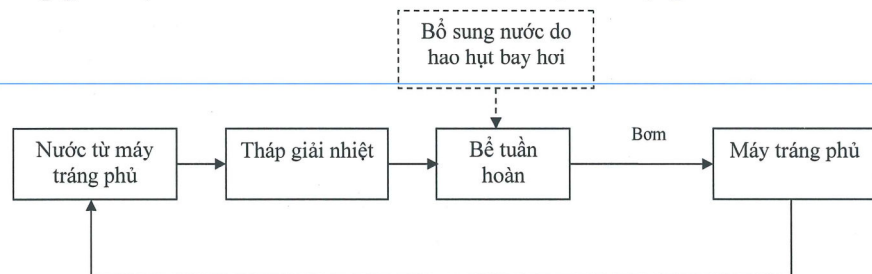
Nước sản xuất phát sinh từ công đoạn dệt nước được thu gom bằng rãnh bê tông kích thước 400x600 mm, dài 150 m về bể gom sau đó về bể lắng 03 ngăn để tuần hoàn, tái sử dụng cho sản xuất.



Hình 7. Sơ đồ hệ thống thu gom nước sản xuất phát sinh tại công đoạn dệt

- Nước làm mát sử dụng cho công đoạn tráng phủ:

Nước sản xuất phát sinh từ quá trình làm mát tại công đoạn tráng phủ được thu gom bằng đường ống chịu nhiệt đường kính Φ 65 mm, dài 130 m về 01 tháp giải nhiệt và 01 bể nước tuần hoàn để tuần hoàn, tái sử dụng.



Hình 8. Sơ đồ hệ thống thu gom nước sản xuất phát sinh tại công đoạn tráng phủ

Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số: 09/HĐ-XLNT ngày 01/05/202024 ký kết giữa Công ty TNHH XD và môi trường Hiếu Thảo và Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam. (Bản vẽ đấu nối nước thải đóng kèm phụ lục).

1.3. Xử lý nước thải:

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

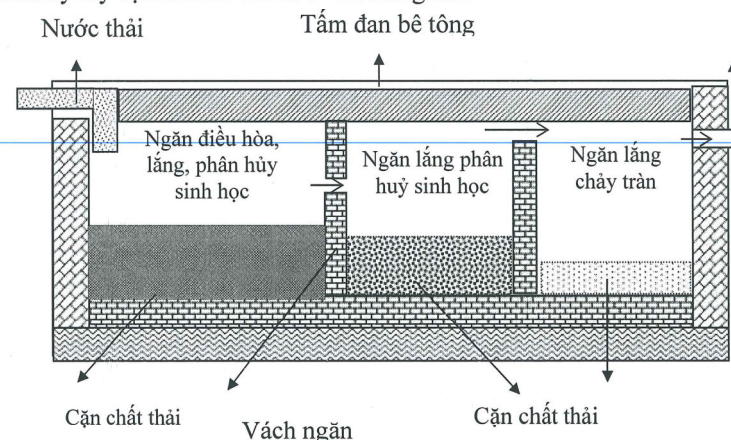
* Nước thải từ xí tiểu, xí bột:

Nước thải từ xí tiểu, xí bột của khu vệ sinh (Khu vực nhà xưởng) được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Công ty đã xây dựng 03 nhà vệ sinh (01 nhà vệ sinh công nhân sau xưởng dệt, 01 nhà vệ sinh công nhân sau xưởng tráng phủ, 01 nhà vệ sinh văn phòng tại nhà điều hành) với số bể tự hoại là 02 bể.

- Nguyên lý làm việc của bể phốt 3 ngăn: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất có vai trò làm ngăn lắng và lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất bẩn trong dòng nước thải. Sau đó nước được chảy sang ngăn lắng 1, tại đây các chất rắn hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa làm nguồn dinh dưỡng cho sự hấp phụ của của chúng. Nước trong hơn sẽ chảy vào ngăn lắng 2 có thể tích bằng với ngăn lắng 1, ngăn lọc có tác dụng bổ sung làm sạch nước thải nhờ hệ sinh vật kỵ khí bám trên bề mặt giá thể và ngăn chặn lơ lửng trong nước ra theo nước.

Lượng bùn tích lũy trong bể tăng nhanh trong 3 tháng đầu, sau đó tốc độ tích lũy bùn chậm dần do sự ổn định của quá trình xử lý và phân hủy bùn trong các bể.

Chu kỳ lấy cặn ra khỏi bể: là 6 -12 tháng/lần.



Hình 9. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Không sử dụng hóa chất cho công trình xử lý nước thải.

Thông số của bể tự hoại như sau:

- 01 Bể tự hoại được bố trí phía sau nhà kho + xưởng gia công số 11 với thể tích 115 m³.

- 01 Bể tự hoại khu nhà vệ sinh gần nhà văn phòng với thể tích 45 m³.

Như vậy, tổng thể tích bể tự hoại là 160 m³.

* Nước thải từ khu vực nhà ăn:

Nước thải nhà ăn sẽ được xử lý qua bể lắng cặn, tách dầu mỡ trước khi thải ra môi trường. Nước thải từ nhà ăn qua song chắn rác để loại bỏ các tạp chất có kích thước lớn rồi dẫn về bể tách dầu mỡ 2 ngăn có dung tích 2 m³ để



xử lý.

1.3.2. Nước từ quá trình làm mát cho các công đoạn đùn sợi, tráng phủ và dệt nước

* Thông số kỹ thuật các bể chứa nước:

Bảng 9. Thông số kỹ thuật của bể chứa nước

STT	Tên bể	Kích thước bể (m)	Thể tích bể (m ³)	Số lượng bể
I Máy đùn sợi				
1	Bể lắng 3 ngăn	LxBxH = 7x2x2,5 (ngăn 1: 3x2x2,5m; ngăn 2: 2,9x2x2,5m; ngăn 3: 0,9x2x2,5m)	35	01
3	Téc chứa nước trên cao	LxBxH = 4,586x1,8x2,025m	10	01
II Máy dệt nước				
1	Bể chứa nước ngầm		41,072	
1.1	Ngăn bể gom	LxBxH = 1,2x0,6x0,6m	0,432	
1.2	Ngăn bể lắng 3 ngăn	LxBxH = 10x2x2m (ngăn 1: 2x2x2m; ngăn 2: 4x2x2m; ngăn 3: 4x2x2m)	40	
1.3	Ngăn bể chứa bùn	LxBxH = 1x0,8x0,8	0,64	
III Máy tráng phủ				
1	Bể nước tuần hoàn	LxBxH = 3,7x3x3	33,3	01

* Thông số kỹ thuật các tháp giải nhiệt:

Bảng 10. Thông số kỹ thuật của tháp giải nhiệt

Mã thiết bị	Kích thước (mm)	Công suất giải nhiệt (Kcal/h)	Tổn thất áp suất qua tháp (mH ₂ O)	Điện áp (V/1 pha/50Hz)	Lưu lượng nước (l/phút)
Tháp giải nhiệt máy đùn sợi					
TSC80	DxH = 2.040x1.820	31.200	1,5-1,7	220	104
Tháp giải nhiệt máy tráng phủ					
TSC80	DxH = 2.040x1.820	31.200	1,5-1,7	220	104

* Thông số kỹ thuật bơm tuần hoàn:

- Hệ thống làm mát khu vực máy đùn: Sử dụng 03 máy bơm (01 bơm công suất 7,5 kw/máy, 01 bơm dự phòng công suất 7,5 kw/máy và 01 bơm công suất 5,5 kw/máy).

- Hệ thống làm mát khu vực máy tráng phủ: Sử dụng 03 máy bơm (công suất 5,5 kw/máy).

- Tại khu vực dệt nước: Sử dụng 04 máy bơm (02 bơm công suất 7,5 kw/máy, 01 bơm công suất 5,5 kw/máy và 01 bơm công suất 4 kw/máy).

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

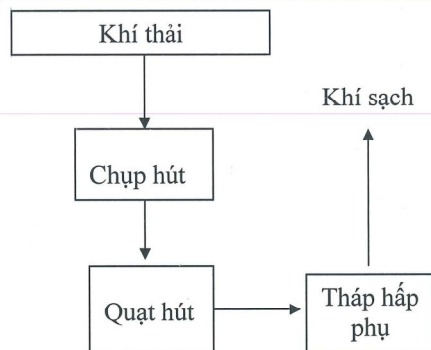
a. Hơi nhựa phát sinh từ quá trình công đoạn đùn

Tại công đoạn đùn sợi nhựa khu vực sản xuất vải bạt quá trình gia nhiệt làm nóng chảy hạt nhựa không phát sinh hơi nhựa do công đoạn này được thực hiện trong thiết bị kín có cấu tạo vỏ cách nhiệt để hạn chế ảnh hưởng tới công nhân lao động trong nhà máy. Mặt khác tại công đoạn đùn sợi, sợi nhựa đùn ra khỏi đầu đùn sẽ không tiếp xúc với không khí mà được tiếp xúc trực tiếp với nước nhằm mục đích hạn chế phát sinh hơi nhựa tới mức thấp nhất đồng thời làm nguội và tăng tính chất cơ lý của sợi nhựa do vậy tại công đoạn đùn sợi hơi nhựa phát sinh rất nhỏ. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện làm việc cho công nhân, chủ cơ sở đã đầu tư quạt hút thông gió tại xưởng sản xuất, thiết kế hệ thống thông gió tự nhiên từ quá trình thiết kế xưởng 2 mái, hệ thống cửa sổ xung quanh nhà xưởng ngay từ khi thi công xây dựng nhà máy đảm bảo lưu thông, thông thoáng cho nhà xưởng và công nhân làm việc trong nhà máy.

b. Khí thải phát sinh từ khu vực tráng phủ

Công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải để thu gom xử lý toàn bộ lượng khí thải phát sinh từ khu vực tráng phủ đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Để đảm bảo xử lý lượng khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường. Công ty đã thuê nhà thầu Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Quân Minh là đơn vị các đủ năng lực về thiết kế, thi công, xây dựng hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn tráng phủ của nhà máy đảm bảo theo yêu cầu trước khi thải ra ngoài môi trường (hồ sơ hoàn công, biên bản nghiệm thu bàn giao hệ thống được đính kèm phụ lục báo cáo). Quy trình xử lý được thể hiện như sau:





Hình 10. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải

Nguyên lý hoạt động của hệ thống xử lý khí thải như sau:

Khí thải, mùi phát sinh từ công đoạn tráng phủ được chụp hút thu gom qua. Toàn bộ khí thải được hút qua chụp hút qua hệ thống đường ống thu gom khí được đưa sang tháp hấp phụ bằng than hoạt tính sau đó thoát ra qua ống khói. Thiết bị hấp phụ được tính toán đảm bảo khả năng xử lý, tốc độ dòng khí đi qua để xử lý được toàn bộ khí thải. Bên trong thiết bị, vật liệu hấp phụ được sử dụng như sau: lớp trên cùng là lớp bông lọc khí chuyên dụng dày 2cm sau đó là lớp than hoạt tính; Lớp than trên cùng là than tre dạng cục với kích thước 1,75-2,75cm, lớp giữa là than hoạt tính gáo dừa dạng mảnh có kích thước 0,8-1,2cm, lớp dưới cùng là lớp than tre dạng cục với kích thước 1,75-2,75cm. Định kỳ 3 tháng/lần công ty sẽ tiến hành thay thế lớp than trong tháp hấp phụ và đảo trộn lớp than trên với khối lượng khoảng 37 kg/lần thay.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải:

- Số lượng chụp hút: 02 cái, có kích thước: 3.000 mm x 2.000 mm x 0,9mm, vật liệu inox.
- Chiều dài đường ống thu gom khí thải: 400x400mm có chiều dài: 30m, vật liệu inox.
- Quạt hút công suất: 7,5kW, 12.000m³/h.
- Tháp hấp phụ: kích thước khoang xử lý 1.000x1.000x1.000mm, vật liệu inox.
- Ống thoát khí: kích thước 400x400x7.000mm, vật liệu inox.
- Vật liệu hấp phụ: than hoạt tính



3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

+ Biện pháp quản lý chất thải rắn:

Chất thải rắn được thu gom, lưu giữ và xử lý triệt để đúng theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Để thực hiện tốt việc quản lý chất thải rắn, vấn đề quan trọng đầu tiên là phải phân loại chất thải ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn được phân loại ngay tại nguồn phát sinh nhằm tái sử dụng chất thải rắn, đơn giản hóa quá trình xử lý, giúp tiết kiệm chi phí và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt:

Thành phần rác thải sinh hoạt bao gồm: các hộp đựng thức ăn, giấy vụn phòng, vỏ chai/lon nước ngọt, giấy toilet, thực phẩm thừa....

- Thu gom, lưu chứa:

+ Trang bị các thùng chứa rác 10 - 60 lít tại các khu vực (2 thùng tại khu vực văn phòng, 4 thùng tại khu vực nhà ăn.

+ Bố trí thùng chứa rác lớn có kích thước 1,5x1,5m có nắp đậy để thu gom toàn bộ rác sinh hoạt tại dự án được đặt gần xưởng đúc. Công ty ký hợp đồng với Hợp tác xã dịch vụ vệ sinh môi trường thị trấn Phong Châu để thu gom vận chuyển và xử lý. (Hợp đồng đính kèm phụ lục).

+ CTR công nghiệp thông thường

- CTR công nghiệp thông thường trong quá trình sản xuất là như: sợi phế phẩm, vải nhựa PP, bao bì đựng nguyên liệu... từ quá trình sản xuất của nhà máy. Đối với chất thải công nghiệp thông thường có thể tái chế hàng ngày công ty thu gom về khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường có thể tái chế có diện tích 100 m², xây tường gạch lửng, xung quanh tôn, mái lợp tôn sóng. Sau đó công ty ký hợp đồng mua bán với đơn vị Công ty TNHH Thương mại Sơn Trang Phú Thọ và Công ty TNHH Bao bì Quang Hưng. Đối với chất thải công nghiệp không thể tái chế công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, ...) phát sinh tại cơ sở:



Bảng 11. Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở

STT	Chủng loại	Đơn vị	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/năm	2.640
2	Sản phẩm lỗi hỏng (sợi phế phẩm, bavia vải bạt, vải bạt lỗi, nhựa hỏng từ quá trình đùn,...)	kg/năm	700
Tổng		kg/năm	3.340

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Đối với các loại CTNH như: giẻ lau dính dầu mỡ, bôn đèn hỏng... được chủ đầu tư bố trí kho lưu giữ riêng biệt, mái lợp tôn, tường gạch, trát xi măng, nền láng xi măng chống thấm (kho chứa diện tích 30m²), công ty bố trí thùng 209 lít có nắp đậy (02 cái), có dán nhãn, biển cảnh báo đối với từng loại CTNH. Tất cả các loại CTNH được thu gom, đưa về kho chứa CTNH. Công ty, lưu giữ và quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về xử lý chất thải nguy hại.

Hiện nay, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH Phú Minh Vina vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Công ty theo đúng các quy định hiện hành.

- Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở:

Bảng 12. Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	35
2	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	65
3	Thùng dính dầu thải	18 01 01	115
4	Dầu thải của máy phát điện	17 03 04	310
5	Than hoạt tính thải	12 01 04	110
Tổng cộng			635

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ **Đối với tiếng ồn, rung động trong khu vực sản xuất**

Tiếng ồn trong xưởng sản xuất của nhà máy ở một số công đoạn là khó tránh khỏi. Tuy nhiên công ty nằm trong CCN nên tiếng ồn không gây ảnh hưởng đáng kể đến khu dân cư xung quanh. Để giảm thiểu tiếng ồn nhằm đảm bảo sức khỏe cho công nhân lao động và tránh làm tăng mức độ ồn trong khu

vực, tiếng ồn trong nhà máy được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị. Phân bố các nguồn gây ồn ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý. Nhà xưởng được thiết kế và xây dựng với tường cách âm, đặc biệt cô lập các công đoạn có khả năng phát sinh ồn cao.

- Nền móng đặt máy phải được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao, lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của máy để giảm rung hạn chế ồn, kiểm tra độ cân bằng của các trang thiết bị máy móc và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Trang bị nút tai cho công nhân phải làm việc ở khu vực thường xuyên tiếp xúc với độ ồn cao, đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện. Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân. Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao. Cây xanh, thảm cỏ được trồng xung quanh nhà máy, xây tường bao xung quanh nhà máy để giảm tiếng ồn phát tán ra xung quanh.

+ **Đối với tiếng ồn, rung do các phương tiện giao thông**

Để hạn chế tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Đảm bảo diện tích cây xanh, thảm cỏ dùng chung cho cả nhà máy. Cây xanh, thảm cỏ có tác dụng che nắng, hút bớt bức xạ mặt trời, hút và giữ bụi, lọc sạch không khí, hút tiếng ồn và che chắn tiếng ồn. Mặt khác, nó còn tạo thẩm mỹ cảnh quan, điều hòa vi khí hậu, tạo cảm giác êm dịu về màu sắc cho môi trường;

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án; Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng cho các phương tiện giao thông.

+ **Giảm thiểu tác động tiếng ồn máy phát điện dự phòng**

+ Giảm thiểu tiếng ồn phát sinh máy phát điện: Thiết kế vật liệu cách âm bao quanh phòng và cửa phòng.

Riêng đối với máy phát điện là nguồn gây ồn lớn nhất, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Trang bị máy phát điện dự phòng loại mới, ít phát sinh tiếng ồn.

- Xây dựng phòng đặt riêng cho máy phát điện dự phòng

Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động:

- Các máy phát điện phải được kiểm tra sự cân bằng và hiệu chỉnh khi



cần thiết

- Bảo trì định kỳ và tra dầu mỡ để hạn chế tiếng ồn
- Biện pháp khác áp dụng nhằm khống chế ồn, rung
- Lắp đặt máy móc thiết bị đúng quy cách
- Lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ máy kiên cố

Với các biện pháp khống chế trên, sẽ hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn, độ rung đến môi trường. Tiếng ồn khu vực Bệnh viện sẽ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/ BTNMT, độ rung QCVN 27:2010/ BTNMT.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

a. Phòng chống cháy nổ

- Hiện tại, nhà máy đã hoàn thành xây dựng, lắp đặt hệ thống PCCC Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH Công tỉnh Phú Thọ xác nhận nghiệm thu theo văn bản số 20/TD-PCCC ngày 16/5/2016 với các nội dung sau:

- + Giao thông và thoát nạn
- + Khoảng cách an toàn PCCC
- + Bậc chịu lửa, kết cấu ngăn cháy
- + Hệ thống điện, chống sét
- + Hệ thống báo cháy tự động
- + Hệ thống họng nước chữa cháy vách tường
- + Phương tiện chữa cháy tại chỗ
- + Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn

- Xây dựng nội quy PCCC chung tại nhà máy, quy trình xử lý khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy. Đặc biệt chú ý đến các khu tập kết nguyên nhiên liệu và các vị trí có khả năng cháy nổ cao như máy phát điện, trạm biến thế, ...

- Bố trí các trang thiết bị như bình CO₂, họng nước, ống dẫn nước, vòi phun chữa cháy tại các khu vực hợp lý đặc biệt tại các khu vực có khả năng cháy nổ cao.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, tuyên truyền và diễn tập công tác phòng chống cháy nổ tại nhà máy.

b. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ



thuật của các thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải sản xuất, kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mà nhà cung cấp thiết bị khuyến cáo.

- Thường xuyên kiểm tra vận hành các thiết bị trong hệ thống thông gió nhà xưởng, hệ thống thu gom, xử lý khí thải.

- Các biện pháp khắc phục sự cố được lưu ở dạng văn bản và được hướng dẫn cho cán bộ phụ trách và cán bộ nhân viên trong Công ty.

- Xây dựng quy trình định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa các hư hỏng của các thiết bị xử lý.

- Thay than hoạt tính định kỳ 06 tháng/lần để đảm bảo khả năng xử lý của hệ thống.

- Tiến hành hoạt động quan trắc định kỳ khu vực nhà xưởng sản xuất, quan trắc mẫu ống thoát khí xử lý khí thải.

c. Phòng ngừa sự cố do dịch bệnh

- Thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người lao động;

- Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về thời gian làm việc, các chế độ bồi dưỡng để nâng cao sức khỏe và sức đề kháng cho người lao động từ đó hạn chế được việc nhiễm các dịch bệnh.

- Khuyến khích các lao động bị mắc các bệnh truyền nhiễm điều trị ở nhà hoặc các cơ sở y tế đảm bảo khỏi bệnh mới đi làm trở lại để tránh lây nhiễm cho các lao động khác của Nhà máy.

- Tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế về việc phòng chống dịch bệnh.

d. Kế hoạch ứng phó chung đối với các rủi ro, sự cố có thể xảy ra:

- Lập nội quy Công ty, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức cho cán bộ, công nhân trong Công ty để tránh xảy ra các sự cố nguy hiểm.

- Lập sơ đồ thoát hiểm và dán tại các vị trí dễ nhìn thấy trong xưởng sản xuất, nhà văn phòng... để mọi người biết và thực hiện.

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập luyện ứng phó sự cố xảy ra.

- Trang bị các công cụ phòng chống cháy nổ và chữa cháy khác như bình bột, bình CO₂, bể cát,... Công ty đã được duyệt thiết kế và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy do phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy – Công an tỉnh Phú Thọ cấp. Các thiết bị chữa cháy cụ thể như sau:

Bể chứa nước phục vụ chữa cháy: BxLxH= 12x2,5x2m

Bơm cứu hỏa 3p-7,5kw 2 cái

Khu vực xưởng Đùn và Dệt bố trí 12 bình chữa cháy và 3 họng cứu hỏa



Khu vực xưởng cắt bố trí 4 bình chữa cháy và 1 họng cứu hỏa

Khu vực xưởng cắt bố trí 4 bình chữa cháy và 2 họng cứu hỏa

Các khu vực khác xung quanh nhà máy, khu vực bảo vệ, văn phòng bố trí 10 bình chữa cháy và 2 họng cứu hỏa.

Vậy Công ty bố trí tổng số 38 bình cứu hỏa và 8 họng cứu hỏa.

- Khi phát hiện xảy ra sự cố người phát hiện cần nhanh chóng hô hoán cho tất cả mọi người cùng biết để phối hợp phòng chống sự cố và thoát hiểm. Đồng thời báo ngay cho cán bộ phụ trách hoặc Giám đốc Công ty để có các biện pháp tiếp theo.

- Sơ tán toàn bộ người không liên quan hoặc không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực nguy hiểm.

- Thành lập tổ ứng phó tại chỗ để tìm nguyên nhân gây ra sự cố nhằm ngăn chặn kịp thời, tránh để sự cố lây lan rộng gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản.

- Trong trường hợp sự cố xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát và ứng phó của Công ty cần báo ngay cho các cơ quan chức năng để phối hợp ứng phó kịp thời.

- Sau khi không chế được sự cố cần tiến hành kiểm kê người và tài sản nhằm xác định thiệt hại và rút kinh nghiệm tránh để tiếp tục xảy ra sự cố.

- Phối hợp với đơn vị PCCC cứu hộ cứu nạn, CCN Đồng Lạng, chính quyền địa phương khi xảy ra sự cố về con người, các phương tiện, vật tư có thể hỗ trợ cho việc ứng phó sự cố nhằm hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến con người, tài sản và môi trường sống.

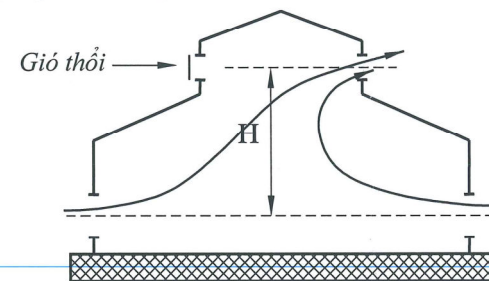
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

Kiểm soát ô nhiễm nhiệt

Việc hạn chế ảnh hưởng của nhiệt thừa và cải thiện môi trường vi khí hậu là một công tác quan trọng và cần thiết. Điều kiện vi khí hậu xấu không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động mà còn ảnh hưởng đến năng suất lao động. Do đó, để hạn chế ảnh hưởng nhiệt thừa đồng thời đảm bảo môi trường lao động tốt cho công nhân làm việc trong kho, xưởng sản xuất phải tiến hành nhiều biện pháp, mà trước hết là biện pháp công nghệ và tổ chức như: Sắp xếp, bố trí mặt bằng hợp lý, đảm bảo mật độ người theo tiêu chuẩn quy định.

- Một phần lượng nhiệt truyền vào nhà kho, nhà xưởng do nhiệt bức xạ mặt trời nên các giải pháp phòng chống nóng nhà xưởng cũng tập trung để hạn chế yếu tố này như sử dụng hệ thống điều hòa kiểm soát nhiệt trong xưởng sản xuất

Hiện tại đối với xưởng Dệt + dùn: Thông gió tự nhiên bằng cửa mái, mái có lớp bảo ôn cách nhiệt. Thông gió cưỡng bức sử dụng quạt gắn tường. Quạt đường kính 1,2x1,6 (3 cái, công suất 0,75kw), ngoài ra sử dụng các quạt gắn trên nóc máy loại 600mm, 8 cái. Tại xưởng cắt: thông gió tự nhiên, mái có lớp bảo ôn cách nhiệt, sử dụng quạt trần tạo thông thoáng cho nhà xưởng 6 cái. Tại xưởng may: thông gió tự nhiên bằng cửa mái, mái có lớp bảo ôn cách nhiệt, sử dụng quạt trần tạo thông thoáng cho nhà xưởng 60 cái. Sơ đồ nguyên lý hệ thống hút gió công nghiệp nhà xưởng như sau:



Hình 11. Sơ đồ nguyên lý hệ thống thông gió nhà xưởng

8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Để phù hợp với tình hình thực tế, phía công ty đã điều chỉnh, thay đổi một số công trình so với báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phụ vụ giai đoạn vận hành của cơ sở như sau:

Bảng 13. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành

TT	Tên công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Phương án thực hiện trong báo cáo hoàn thành	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã thực hiện	Lý do thay đổi
1	Quy chuẩn so sánh nước thải	QCVN 14:2008/BTNMT, cột B	QCVN 40:2011/BTNMT, cột B	Để phù hợp với quy chuẩn thoát nước thải của CCN Đồng Lạng

9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện mục này.

10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi

trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện mục này.

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép nước thải theo quy định tại điều 39 Luật Bảo vệ Môi trường (Nước thải sau xử lý đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của CCN Đồng Lạng). Trong quá trình hoạt động, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải theo giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Đồng Lạng. Các thông số giám sát gồm: Lưu lượng, pH, BOD5, TSS, tổng phốt pho, Amoni, Coliform, Sunfua, tổng Nitơ, COD.

- Cơ sở đã có hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số: 09/ HĐ-XLNT ngày 01/05/2025 ký với Công ty TNHH xây dựng và môi trường Hiếu Thảo (đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN Đồng Lạng).

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

- Nguồn phát sinh khí thải: 01 nguồn Khí thải từ máy tráng phủ.

- Dòng khí thải: 01 dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ khu vực tráng phủ.

a. Vị trí xả thải: Toạ độ: X(m): 2365043.31, Y(m): 560811.91 (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

b. Lưu lượng xả khí thải: 12.000 m³/h.

* Phương thức xả khí thải: cưỡng bức bằng quạt hút, liên tục khi hệ thống hoạt động qua ống khói với chiều cao 7.000 mm, 400x400 mm rồi thoát ra ngoài môi trường.

* Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, với hệ số K_v = 0,8; K_p = 1) áp dụng từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải được trình bày chi tiết tại Bảng sau:



Bảng 14. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN20:2009/ BTNMT	QCVN19:2009/ BTNMT (cột B, K _v = 0,8; K _p = 1)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	SO ₂	mg/Nm ³	-	400
3	Vinyl clorua	mg/Nm ³	20	-
4	Bezen	mg/Nm ³	5	-
5	Toluen	mg/Nm ³	750	-

* Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN19:2024/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định áp dụng từ ngày 01/01/2032 đến ngày giấy phép môi trường hết hiệu lực.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải được trình bày chi tiết tại Bảng sau:

Bảng 15. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN19:2024/ BTNMT (cột C)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (tính theo TVOC, bao gồm các cấu tử: Benzen, Toluen, Etylbenzen, Xylen, Etyl Axetat, Butyl Axetat)	mg/Nm ³	150
3	SO ₂	mg/Nm ³	350
4	Vinyl clorua	mg/Nm ³	30

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Nguồn phát sinh: Từ thiết bị máy móc sản xuất của cơ sở.
- + Nguồn số 01: Từ máy móc tại công đoạn trộn;
- + Nguồn số 02: Từ máy móc tại công đoạn dệt.
- + Nguồn số 03: Từ máy móc tại công đoạn tráng phủ.
- + Nguồn số 04: Từ máy phát điện.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
- + Vị trí phát sinh tiếng ồn không tập trung được phân tán ra xung quanh.
- + Vị trí phát sinh độ rung từ các máy móc thiết bị sản xuất của cơ sở.
- Giới hạn cho phép



+ Tiếng ồn không vượt giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn (theo mức âm tương đương) dBA như sau:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

+ Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung như sau:

TT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB	
		Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60



CHƯƠNG V

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

- Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện.

Căn cứ theo Giấy xác nhận số 1435/GXN-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án của Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam với dự án “Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu” tại CCN Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam đã đầu tư công trình bảo vệ môi trường thực hiện nghiêm các yêu cầu bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Nước thải nhà ăn được xử lý bằng bể lắng cặn, tách dầu mỡ xử lý; Nước thải từ xí tiêu, xí bệt của khu vệ sinh xử lý bằng bể tự hoại sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của CCN Đồng Lạng. Công ty đã có sơ đồ vị trí đầu nối nước thải và hợp đồng xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt yêu cầu theo quy định của CCN Đồng Lạng.

+ Đối với nước sản xuất: Nước làm mát công đoạn đun sợi, tráng phủ sử dụng thiết bị giải nhiệt làm mát thiết bị được tuần hoàn tái sử dụng 100%. Nước sử dụng cho máy dệt được tuần hoàn tái sử dụng 100%.

+ Đối với khí thải: Khí thải phát sinh tại công đoạn tráng phủ đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải. Khí thải sau xử lý đạt cột B QCVN 20:2009/BTNMT cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với chất hữu cơ.

+ Đối với chất thải rắn: các chất thải rắn thông thường có thể tái chế được Nhà máy bán cho các đơn vị thu mua trên địa bàn. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường không thể tái chế, chất thải rắn nguy hại, chất thải sinh hoạt được phân loại thu gom và lưu giữ và bàn giao cho đơn vị chức năng thu gom vận chuyển xử lý theo đúng quy định về pháp luật bảo vệ môi trường.

+ Nhà máy thực hiện chương trình quan trắc định kỳ theo đúng cam kết của Giấy xác nhận đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án: Nước thải (3 tháng/lần), khí thải (3 tháng/lần), không khí sản xuất (3 tháng/lần).

- Các vấn đề liên quan đến môi trường của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có



thẩm quyền.

Năm 2017, Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam đã nộp hồ sơ Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án “Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu” tại CCN Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Giấy xác nhận số số 1435/GXN-UBND ngày 14/4/2017.



2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:

Các kết quả quan trắc nước thải định kỳ năm 2023-2024.

Bảng 16. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2023

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 2023		Đợt 2 2023		Đợt 3 2023		Đợt 4 2023		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	
1	pH	-	7,07	7,15	6,8	6,85	7,13	7,21	7,25	7,2	5 ÷ 9
2	Độ màu	Pt/Co	58	74	14	8	14	9	<5	<5	-
3	Nhiệt độ	°C	20,4	20,6	27,0	27,2	27,8	28	28,8	28,5	-
4	Mùi		Không có mùi	không có mùi	Có mùi	Có mùi	Không khó chịu	Không khó chịu	có mùi	có mùi	-
5	TSS	mg/L	40	36	28	24	11	7	14	9	100
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30	47	KPH	19	<1	<1	<1	3	50
7	COD	mg/L	51,2	102,4	4	48	4	<3	4	8	-
8	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
9	C ³⁺	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
10	Đồng (Cu)	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	2,2	2,1	<0,3	<0,3	KPH	KPH	<0,3	<0,3	20
12	Sắt (Fe)	mg/L	0,479	0,466	0,046	0,021	KPH	KPH	KPH	KPH	-
13	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	1,585	1,597	0,163	0,141	0,305	0,296	0,073	0,075	10
14	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	1,7	1,5	<0,3	<0,3	KPH	KPH	<0,3	<0,3	-
15	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	6,9	2,29	<0,3	<0,3	0,29	0,34	KPH	0,033	10
16	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	2,665	2,41	0,755	0,155	1,575	1,795	0,715	0,815	50
17	Tổng Nitơ	mg/L	88,5	17,3	3,65	3,08	2,28	2,53	-	-	-
18	Clo dư	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-
19	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	10



Đơn vị lập báo cáo: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ: Khu Châu Phong - P. Gia Cẩm - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ
Email: Etechptvn.jsc@gmail.com - Mrs Giang: 0914.288.319

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 2023		Đợt 2 2023		Đợt 3 2023		Đợt 4 2023		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	
20	Coliforms	MPN/ 100ml	2.600	2.100	130	110	170	130	79	70	5.000

Bảng 17. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 2024		Đợt 2 2024		Đợt 3 2024		Đợt 4 2024		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	
1	pH	-	7,16	7,2	6,85	6,82	6,9	6,85	6,85	6,82	5 ÷ 9
2	Độ màu	Pt/Co	13	8	27,34	31,31	KPH (MDL = 6,6)	KPH (MDL = 6,6)	KPH (MDL = 5)	KPH (MDL = 5)	-
3	Nhiệt độ	°C	26,7	27	24,2	24,5	25,6	25,8	23,5	23,7	-
4	Mùi		Không khó chịu	Không khó chịu	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi khó chịu	Không có mùi khó chịu	-
5	TSS	mg/L	19	22	20	45	7	7	21	11	100
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	11	6	6,02	5,09	4,03	3,07	3,08	2,75	50
7	COD	mg/L	36	20	15,6	12,5	9,32	6,21	6,37	3,19	-
8	Cadimi (Cd)	mg/L	<0,05	<0,05	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	(MDL = 0,01)	(MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	-
9	C ³⁺	mg/L	<0,003	<0,003	KPH	KPH	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	KPH	KPH	-
10	Đồng (Cu)	mg/L	<0,05	<0,05	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	-
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<0,3	<0,3	0,6	0,4	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	KPH (MDL = 0,3)	20



Đơn vị lập báo cáo: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**
Địa chỉ: Khu Châu Phong - P. Gia Cẩm - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ
Email: Etechptvn.jsc@gmail.com - Mrs Giang: 0914.288.319

CHỦ CƠ SỞ:

CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:

CO SỞ “CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM”

Tại Lô D17,cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ.

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1 2024		Đợt 2 2024		Đợt 3 2024		Đợt 4 2024		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
			NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	NT1	NT2	
12	Sắt (Fe)	mg/L	<0,02	<0,02	0,022	0,01	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	KPH (MDL = 0,01)	-
13	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	mg/L	0,179	0,19	1,88	1,47	0,115	0,145	0,111	0,111	10
14	Tổng dầu, mỡ khóang	mg/L	<0,3	<0,3	0,8	0,6	0,6	0,4	0,4	0,4	-
15	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	0,11	0,08	2,88	3,13	1,54	1,29	0,076	0,079	10
16	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	0,23	1,4	3,86	3,94	4,21	4,66	3,61	3,07	50
17	Tổng Nitơ	mg/L	7,6	2,6	19,33	20,73	19,6	18,49	9,2	9,75	-
18	Clo dư	mg/L	<0,05	<0,05	0,35	0	0,2	0,18	0,21	0,18	-
19	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	<0,05	<0,05	KPH (MDL = 0,020)	KPH (MDL = 0,020)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	KPH (MDL = 0,02)	10
20	Coliforms	MPN/ 100mL	1.300	1.600	2,1 x 10 ³	1,3 x 10 ³	3,5x10 ²	1,7x10 ²	1,1x10 ²	KPH	5.000

Đơn vị lập báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Khu Châu Phong - P. Gia Cẩm - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ

Email: Eiechptvn.jsc@gmail.com - Mrs Giang: 0914.288.319

41

- Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng lắp quan trắc tự động.
- Các sự cố đối với công trình xử lý nước thải: Không có.
- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải: Trong 2 năm gần nhất, cơ sở không có hoạt động duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải.
- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải. Qua kết quả phân tích cho thấy các chỉ tiêu giám sát mẫu nước thải của Công ty đều nằm trong giới hạn tiếp nhận của cụm công nghiệp Đồng Lạng. Như vậy, công trình xử lý nước thải của Công ty đang hoạt động hiệu quả.

CHỦ CƠ SỞ:

CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

BẢO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG:

CO SỞ “CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM”

Tại Lô D17,cụm công nghiệp Đồng Lạng, xã Phú Ninh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ.

--	--

3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

Kết quả quan trắc xử lý bụi, khí thải năm 2023 – 2024

Bảng 18. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải của nhà máy

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2023			QCVN 19/2009/BTNMT cột B
			Quý I/ 2023	Quý II/ 2023	Quý III/ 2023	
1	CO	mg/Nm³	2,578	0	1,52	3
2	SO ₂	mg/Nm³	0	0	<2,62	500
3	Bụi tổng	mg/Nm³	39	54	38,8	200
4	NO _x	mg/Nm³	0	0	<1,88	850
5	H ₂ S	mg/Nm³	1,3	-	KPH	7,5

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả quan trắc 2024			QCVN 19/2009/BTNMT cột B
			Quý I/ 2024	Quý II/ 2024	Quý III/ 2024	
1	CO	mg/Nm³	2	3,42	1,82	1,48
2	SO ₂	mg/Nm³	6	2,62	2,80	2,62
3	Bụi tổng	mg/Nm³	22,8	35,3	30,7	32,4
4	NO _x	mg/Nm³	4	1,50	1,90	1,68
5	H ₂ S	mg/Nm³	<0,5	0,576	1,74	1,77

- **Ghi chú:**
- *Vị trí lấy mẫu:* Khí thải sau hệ thống xử lý khí thải.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B);
- *Nhận xét:* Qua các kết quả quan trắc định kỳ nhận thấy các thông số ô nhiễm trong mẫu khí thải sau xử lý đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT (cột B);
- Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng

lắp quan trắc tự động.

- Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải: Không có.
- Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải: Trong 2 năm gần nhất, cơ sở không có hoạt động duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Hóa chất là than hoạt tính được Công ty định kỳ thay thế.
- Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý bụi, khí thải. Từ bảng Kết quả quan trắc định kỳ khí thải năm 2023 và năm 2024 của Công ty cho thấy, các chỉ tiêu có trong khí thải sau xử lý của Công ty đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một bụi và các chất vô cơ. Như vậy, các biện pháp giảm thiểu tác động bụi, khí thải từ quá trình sản xuất mà Công ty áp dụng đang cho hiệu quả tốt.

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Ngày 27/12/2023, cơ sở có đoàn kiểm tra của Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Phú Thọ kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Tại thời điểm kiểm tra phòng cảnh sát kinh tế tiến hành lấy 02 mẫu nước thải: 01 mẫu nước thải của khu vực nhà vệ sinh công nhân trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp và 01 mẫu nước thải phát sinh từ khu vực văn phòng và nhà ăn ca của công ty thì mẫu nước thải tại khu vực văn phòng và nhà ăn ca của công ty bị vượt so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, hệ số K=1,2) thông số BOD₅ vượt 1,39 lần, các thông số khác đều nằm trong giới hạn của quy chuẩn. Ngay sau khi có biên bản kiểm tra và quyết định xử phạt phía công ty đã chấp hành nộp phạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, tiến hành nạo vét vệ sinh toàn bộ hệ thống thoát nước và thả vi sinh để đảm bảo nước thải ra môi trường đạt quy chuẩn theo quy định. Công ty trung cầu Công ty cổ phần liên minh môi trường và xây dựng, trung tâm phân tích chất lượng cao (VILAS 968-VIMCERIS 185 –CV 2345/SYT-NVY) lấy mẫu nước thải sau khi xử lý để phân tích kết quả mẫu nước thải các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn sau khi đã có biện pháp khắc phục cải tạo. Phía công ty đã gửi báo cáo giải trình về Thanh tra Sở Tài nguyên Môi Trường tỉnh Phú Thọ và Phòng cảnh sát kinh tế - Công an tỉnh Phú Thọ. Công ty TNHH JM Plastic Việt Nam cam kết thường xuyên thực hiện thu gom, xử lý nước thải đảm bảo trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp, trong quá trình hoạt động sản xuất sẽ thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.



Đơn vị lập báo cáo: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Khu Châu Phong - P. Gia Cẩm - TP Việt Trì - tỉnh Phú Thọ
Email: Etechptvn.jsc@gmail.com - Mrs Giang: 0914.288.319

CHƯƠNG VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG
TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

a. Công trình xử lý nước thải:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d, khoản 1, điều 31 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

b. Công trình xử lý khí thải.

Cơ sở “Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu” tại CCN Đồng Lạng, tỉnh Phú Thọ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 1435/GXN-UBND ngày 14/4/2017 về việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành với công trình hệ thống xử lý khí thải khu vực tráng phủ do đó hệ thống xử lý khí thải của nhà máy không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

Cơ sở “Sản xuất các loại vải bạt TARPAULIN xuất khẩu” của Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam không thuộc Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có phát sinh chất thải ra môi trường phải thực hiện quan trắc theo quy định tại Điều 111 và Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 97, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, bảo đảm tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm đảm bảo đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy định về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến dự án.
4. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường.
5. Nếu để xảy ra sự cố môi trường sẽ thực hiện các biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo đúng quy định.
6. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án

Công ty TNHH JM Plastics Việt Nam cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.



PHỤ LỤC BÁO CÁO





QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GIỮA LÊN VỚI ĐẤT

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Đồng Lạng, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Hạng mục công trình	Dân tích xây dựng (m ²)	Dân tích kiến trúc (m ²)	Mức độ phân loại	Cấp công trình	Hiện trạng	Diện tích sàn (m ²)	Diện tích sân vườn (m ²)
Nhà bếp và phòng ăn	25,5	25,5	Số nhà riêng	IV	-	Xưởng dệt nước	4.271,5
Nhà kho và phòng ngủ	6,2	6,2	Số nhà chung cư	IV	-	Nhà vệ sinh 1	64,8
Nhà tắm và phòng ngủ	349,5	349,5	Số nhà chung cư	III	-	Nhà vệ sinh 2	71,8
Nhà ăn	343,3	343,3	Số nhà chung cư	IV	-	Nhà kho	92,6
Trạm biến áp	133,9	133,9	Số nhà chung cư	IV	-	Hệ thống xử lý nước thải	102,3
Xưởng đúc bê tông	2.842,8	2.842,8	Số nhà chung cư	III	-	Nhà để xe	419,1
Xưởng lắp ráp thép	1.810,5	1.810,5	Số nhà chung cư	III	-	Xưởng gia công	4.598,2

· Số vào sổ cấp GCN: CT 05719

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 2600307798

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 17 tháng 08 năm 2021

Đổi tên từ: CÔNG TY TNHH JM PLASTIC VIỆT NAM

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH JM PLASTICS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: JM PLASTICS VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: JM PLASTICS VIET NAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Đồng Lạng, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

159.608.930.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ sáu trăm lẻ tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng

Tương đương 6.859.000 USD

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	KIM DAE GUN	Hàn Quốc	Khu 4, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	145.274.610.000	91,019	M34639847	
2	BAE MI SUN	Hàn Quốc	#101-805 Kolon Hanulche, 22ND Street 31, Chimsan Ro, Buk-Gu, Dae Gu, Hàn Quốc	7.167.160.000	4,490	M47921855	

3	PARK JUNG UK	Hàn Quốc	#103-208 SD-Prime, 125ND street 7, Chilgok Junggang, Bukgu, Daegu, Hàn Quốc	7.167.160.000	4,490	M47807537	
---	--------------	----------	---	---------------	-------	-----------	--

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: KIM DAE GUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1971 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

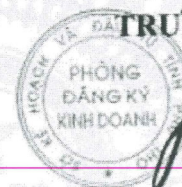
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M34639847

Ngày cấp: 27/07/2021 Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn quốc

Địa chỉ thường trú: #101-805 Kolon Hanulche, 22ND Street 31, Chimsan Ro, Buk-Gu, Dae Gu, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Khu 4, Xã Phù Ninh, Huyện Phù Ninh, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

Đỗ Huyền Bảo Ngọc